PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2017/NQ-HĐND	*Trà Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét Tờ trình số 941/TTr-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, môi trường, giám định

tư pháp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định các nội dung ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh Trà Vinh đối với các hoạt động lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thục đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liện doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các đối tượng thuộc khoản 1, khoản 2, khoản Điều này gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 5. Quỹ đất phục vụ nhu cầu xây dựng cơ sở xã hội hóa

Hàng năm, ngân sách tỉnh trích 20% trên tổng nguồn thu từ tiền sử dụng đất để tạo quỹ đất phục vụ nhu cầu xây dựng cơ sở xã hội hóa; nhưng tổng số trích, bao gồm cả số tiền trích lập quỹ phát triển đất tối đa không vượt quá 50% guồn thu hàng năm từ tiền sử dụng đất.

Điều 6. Chính sách ưu đãi trong lĩnh vực đất đai

1. Miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại nông thôn

Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại nông thôn, được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất.

2. Miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị

a) Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

b) Miễn tiền thuê đất theo thời hạn thuê nhưng tối đa không quá bốn mươi (40) năm đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

c) Miễn tiền thuê đất theo thời hạn thuê nhưng tối đa không quá ba mươi (30) năm đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị còn lại trên địa bàn tỉnh (không thuộc điểm a, điểm b khoản 2 Điều này).

d) Các trường hợp miễn tiền thuê đất nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này có mức ưu đãi miễn tiền thuê đất thấp hơn mức ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư thì áp dụng miễn theo mức ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư.

3. Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 7. Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Mục VI Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính và quy định hiện hành; địa bàn ưu đãi đầu tư thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 8. Chính sách ưu đãi tính dụng

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đáp ứng điều kiện của quy định này được xem xét vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

2. Được Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh xem xét cho vay hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng thực hiện dự án đầu tư theo quy định. Trình tự, thủ tục vay vốn, bảo lãnh vay vốn, thời hạn vay, lãi suất,… thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Chính sách huy động vốn

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn của các tổ chức, cá nhân, có trách nhiệm sử dụng và hoàn trả vốn theo quy định tại Mục VIII Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số

69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 10. Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng

1. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, được xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gồm: đường giao thông, điện trung thế, thoát nước đến hàng rào cơ sở.

2. Các hạng mục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật bên trong hàng rào dự án do cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa tự thực hiện.

3. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa ứng trước kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng, kỹ thuật thiết yếu ngoài hàng rào như: đường giao thông, điện trung thế, thoát nước để phục vụ dự án đầu tư được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc phê duyệt, được ngân sách tỉnh hoàn trả trong 05 năm (năm năm) sau khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng theo hợp đồng vay vốn. Trường hợp cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa ứng trước kinh phí bằng vốn tự có (không vay của các tổ chức tín dụng) thì lãi suất hỗ trợ tính theo lãi suất cho vay bình quân của 03 Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn Nhà nước chi phối (gồm Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển, Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương, Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương) theo cùng lĩnh vực, cùng kỳ hạn, cùng thời kỳ trong thời hạn nêu trên.

Điều 11. Chuyển đổi cơ sở công lập sang loại hình xã hội hóa

1. Khuyến khích chuyển các cơ sở công lập như: Nhà trẻ, nhà ở cho học sinh, sinh viên, trung tâm dạy nghề, cơ sở dịch vụ tại các Bệnh viện công, các đơn vị nghệ thuật biểu diễn, trung tâm văn hóa cấp huyện, xã, thư viện cấp xã, cơ sở đào tạo vận động viên, sân chơi thể thao các loại, bể bơi, nhà tập luyện thể tháo, bãi chứa và xử lý rác sinh hoạt đô thị,… sang loại hình cơ sở thực hiện xã hội hóa, đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, thì được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng dưới hình thức thuê đất có thời hạn, nếu thuộc danh mục và địa bàn khuyến khích đầu tư, được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định. Đối với đất không đưa vào sử dụng, hoặc sử dụng không đúng mục đích cơ sở phải trả lại cho nhà nước.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản còn lại áp dụng theo hướng dẫn tại Mục IX Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 12. Các chính sách khác

Các chính sách khuyến khích xã hội hóa không nêu trong quy định này thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ các nguồn sau đây:

- Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Từ nguồn ngân sách địa phương.

- Từ các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

Điều 14. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 18/4/2012 về việc ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị định số 04/2015/NQ-HĐND ngày 09/01/2012 về việc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 18/4/2012 về việc ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 15. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 22/3/2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2017./.

CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng